

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 25-5-2023
V/v “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thùy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Chính và ông Nguyễn Quốc Thông.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Văn Gây là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 320/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 46/2023/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lâm Thùy T, sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp N, xã L, huyện N, tỉnh C .

- Bị đơn: Ông Tạ Thanh P, sinh năm 1972 (vắng).

Địa chỉ cư trú: Ấp N, xã L, huyện N, tỉnh C .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn trình bày:**

- Về hôn nhân: Năm 1996, bà T và ông P kết hôn tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán địa phương nhưng đến nay chưa đăng ký kết hôn.

Vợ chồng chung sống đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông P gia trưởng, không tôn trọng ý kiến của bà T. Khi cự cãi, ông P có hành vi bạo lực gia đình với bà T, có lần đe dọa dẫn đến bà T lo sợ nên đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Thời gian sống ly thân thì ông bà không giải quyết được mâu thuẫn, gia đình cũng có hàn gắn nhưng không có kết quả. Nay bà T xin ly hôn với ông P do không còn tình cảm.

- Về con chung: Có 03 người con tên Tạ Trọng Nguyễn (Nam), sinh ngày 24/02/1997; Tạ Trường Đạt (Nam), sinh ngày 02/11/2000 và Tạ Lâm Thành Đạt (Nam), sinh ngày 06/12/2007. Trọng Nguyễn và Trường Đạt đã trưởng thành nên không đặt ra yêu cầu, riêng Thành Đạt đang sống với bà T, khi ly hôn bà T đề nghị được nuôi dưỡng Thành Đạt.

- Về cấp dưỡng: Không yêu cầu.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ thu và nợ trả: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản hòa giải ngày 17/02/2023, ông Tạ Thanh P trình bày vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đất Mới nhưng ông P không cung cấp được Giấy đăng ký kết hôn cho Tòa án. Về mâu thuẫn trong hôn nhân, ông P thừa nhận trong cuộc sống gia đình ông P gia trưởng, tự ý quyết định mọi việc, khi nóng giận có xúc phạm vợ con. Nay bà T yêu cầu ly hôn thì ông P không đồng ý do vẫn thương bà T. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì con theo ai người đó nuôi; về cấp dưỡng, tài sản và nợ không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn bảo lưu quan điểm khởi kiện xin ly hôn với ông Tạ Thanh P, con chung thì xét nguyện vọng của con theo ai người đó nuôi, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng. Ngoài ra bà T không yêu cầu gì khác.

Bị đơn vắng mặt, không ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên không có kiến nghị.

Về nội dung vụ án: Do hôn nhân giữa bà T và ông P không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên đề nghị không công nhận quan hệ vợ chồng theo khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; về con chung: Giao Thành Đạt để bà T nuôi dưỡng theo nguyện vọng, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản, nợ thu và nợ trả: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Án phí ly hôn bà T chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng

Bà T yêu cầu ly hôn với ông P, đây là tranh chấp về Hôn nhân và Gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án không có yếu tố nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn ông Tạ Thanh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không lý do, Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông P là phù hợp.

[2] Về nội dung vụ án

- Về hôn nhân: Bà Lâm Thùy T và ông Tạ Thanh P cưới nhau năm 1996, hôn nhân do mai mối, bà T trình bày đến nay chưa đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Ông P trình bày có đăng ký kết hôn nhưng không cung cấp Giấy đăng ký kết hôn cho Tòa án. Qua xác minh, tại Công văn số 65/UBND ngày 22/5/2023 của UBND xã Lâm Hải và văn bản số 128/UBND ngày 24/5/2023 của UBND xã Đất Mới đều xác nhận “*Không có thông tin về đăng ký kết hôn giữa ông Tạ Thanh P, sinh năm 1972 và bà Lâm Thùy T, sinh năm 1976; địa chỉ ấp Nà Chim, xã Lâm Hải, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau*” nên lời khai của ông P không được chấp nhận.

Quá trình chung sống với nhau ông bà có những bất hòa không tự hàn gắn được, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, dẫn đến mất hạnh phúc, ông bà sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân cũng không giải quyết được mâu thuẫn, bà T yêu cầu ly hôn, ông P không đồng ý. Xét, ông bà chung sống với nhau không đăng ký kết hôn đã vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân của bà T và ông P không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

- Về con chung: Ông bà có 03 người con tên Tạ Trọng Nghĩa (Nam), sinh ngày 24/02/1997; Tạ Trường Đạt (Nam), sinh ngày 02/11/2000 và Tạ Lâm Thành Đạt (Nam), sinh ngày 06/12/2007. Trọng Nghĩa và Trường Đạt đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét; Thành Đạt chưa đủ 18 tuổi, theo khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì con từ đủ 07 tuổi trở lên phải xem xét nguyện vọng của con, Tòa án đã ghi nhận nguyện vọng của cháu Thành Đạt thể hiện ý chí muốn sống với mẹ là bà T. Nhận thấy, từ khi bà T và ông P sống ly thân, Thành Đạt được bà T nuôi dưỡng vẫn đảm bảo điều kiện phát triển tốt nên Hội đồng xét xử giao cháu Thành Đạt để bà T nuôi dưỡng là có cơ sở.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng, tài sản, công nợ: Các đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết, căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự “*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*”, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét là có cơ sở.

- Đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở nên được chấp nhận.

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch, nguyên đơn phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14. Ngày 23/11/2022, bà T dự nộp 300.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0015882 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn được đối trừ, không phải nộp tiếp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lâm Thùy T và ông Tạ Thanh P.

- Về con chung: Giao cháu Tạ Lâm Thành Đạt (Nam), sinh ngày 06/12/2007 để bà Lâm Thùy T trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng, chia tài sản và công nợ: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch: 300.000 đồng bà Lâm Thùy T chịu. Ngày 23/11/2022, bà T dự nộp 300.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0015882 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn được đối trừ, không phải nộp tiếp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9, 9a, 9b Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự

Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Vãng mặt tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Thùy Linh